

SỐ 1732

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT
HOA NGHIÊM KINH
SƯU HUYỀN PHÂN TÊ THÔNG TRÍ
PHƯƠNG QUỶ

Đời nhà Đường, Sa môn Trí Nghiễm thuật.

QUYỂN 1
(Phần 1)

Phẩm 1: THẾ GIAN TỊNH NHÃN

Kinh này vốn ở nước ngoài, gồm có mười vạn bài kệ. Xưa kia vào thời nhà Tấn, Đạo nhân Chi Pháp Lĩnh từ nước Vu Điền gặp được ba vạn sáu ngàn bài kệ này. Vào ngày mồng 10 tháng 03 năm Thuận Hỏa thuộc niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 14 đời Tấn, ở tại chùa Tạ Tư Không-Dương Châu, Thiền sư người Thiên Trúc là Phật-độ Bạt-đà-la tự mình cầm bản Phạn văn, dịch âm Hồ thành âm Tấn, Sa-môn Thích Pháp Nghiệp đích thân đi theo ghi chép. Lúc ấy, Nội sử quận Ngô là Mạnh Nghị, Hữu vệ tướng quân Chử Thúc Độ làm đàn việt. Đến ngày mồng 10 tháng 06 niên hiệu Nguyên Hy năm thứ 02, đưa ra bản tiếng Hồ hoàn tất. Ngày 28 tháng 12 năm Tân Dậu thuộc niên hiệu Vĩnh Sơ năm thứ 2 thời Thái Tống thì hiệu đính xong.

Nay phân định văn nghĩa theo năm môn phân biệt:

1. Ca ngợi đức tùy cơ hóa độ của Phật.
2. Trình bày phạm vi thâm nhiếp của tạng.

3. Phân rõ về Tông chỉ sở truyền và giáo thể năng truyền.
4. Giải thích đề mục của kinh.
5. Phân văn giải thích.

Thứ 1: Ca ngợi đức tùy cơ hóa độ của Phật: Đại Thánh Như Lai, từ lúc mới ngộ dấu tích huyền diệu, phát khởi giáo pháp đối với Vô trú, điều hòa thần diệu đối với yên lặng, chí hướng sùng kính đối với Bồ-đề. Cho nên tự nhiên Đạo chủng sinh khởi ở đời trước, nghiệp thiện tích chứa ở Vô ngã, Chánh trí say sưa ở Kim cang, Như Như trong sáng ở Trí cảnh. Vì vậy vọng tưởng không cất mà trong ngoài không còn, gương linh không sáng mà Đẳng giác viên minh, lắng sâu Ngã-Tĩnh rất vắng mà không ẩn, ngưng dấu Thường-Lạc không gì mà không làm, sinh tử Niết-bàn phẳng lặng cùng quán sát, đức đủ viên thông đại trí không chướng ngại, giải thoát phương tiện vô cùng kỳ diệu thay!

Thứ 2: Trình bày phạm vi thâm nhiếp của tạng: Sự vắng lặng sâu xa này lẽ nào có thể nói được ư? Chỉ vì Đại Bi rủ lòng dạy bảo, không giữ kín riêng mình, cho nên tùy duyên thuyết ra pháp môn không phải là một, giáo phân biệt như cát bụi, lẽ nào có thể hạn định từng phần? Như dựa theo để phân rõ, thì giáo môn trong một thời kỳ hóa độ từ đầu đến cuối có ba loại:

- 1) Tiệm giáo.
- 2) Đốn giáo.
- 3) Viên giáo.

Thứ nhất trong Tiệm giáo đã giải thích (sở truyền) có ba, cho nên giáo tức là ba. Bởi vì ước định làm thành hai, cho nên giáo tức là hai. Nói giáo là ba:

Một là Tu-đa-la, Trung Hoa nói là Tuyến (sợi chỉ), cũng gọi là Kinh (sợi dọc), vì sợi chỉ có thể xuyên qua hoa, kinh có thể giữ được vĩ (sợi ngang), nghĩa dùng tương tự. Nhưng bởi vì người Trung Hoa coi trọng danh từ Kinh chứ không coi trọng tên gọi là Tuyến, vì vậy phiên dịch thuận theo sự coi trọng ấy, cho nên bỏ danh từ Tuyến giữ lại tên gọi là Kinh. Ví như ngôn giáo của Đức Phật có thể xuyên suốt pháp tướng khiến cho không thiếu mất, làm cho pháp tồn tại mãi, Kinh và Tuyến tương tự. Đây là từ ví dụ mà đặt tên, tức là giải thích về Định giáo.

Hai là Tỳ-na-da, Trung Hoa nói là Diệt, bởi vì nghiệp ác của thân miệng ý đốt cháy hành giả, nghĩa giống như lửa đốt mà giới có thể dập tắt lửa, cho nên gọi là Diệt. Đây là từ công năng làm cho sáng tỏ, giáo thuận theo sự giải thích cũng gọi là Diệt, tức là giải thích về Giới giáo.

Ba là A-tỳ-đạt-ma, Trung Hoa nói là Vô tử pháp, cũng gọi là Đối

pháp, có thể phá trừ phiền não và phân biệt pháp tướng, tuệ không phân biệt là thù thắng nhất, lại không có pháp nào có thể sánh được pháp này, cho nên gọi là pháp Vô tỷ. Đây là thuận theo không có khác mà có tên gọi, giáo thuận theo sự giải thích cũng gọi là pháp Vô tỷ. Đây tức là giải thích về Tuệ giáo. Gọi là Đối pháp, thì A-tỳ là trí năng đối, Đạt-ma là cảnh sở đối, pháp ngay nơi cảnh dùng để lập tên. Hai Tạng sau này đều thuận theo sự giải thích mà có tên gọi.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao Nhiếp Luận nói: “Vì nói về ba loại tu học mà thiết lập riêng Tu-đa-la, là trở thành dựa vào giới-dựa vào tâm học cho nên thiết lập Tỳ-na-da.” Lấy văn này để nghiệm xét, thì kinh giải thích về ba hạnh, giới giải thích về hai hạnh, tuệ giải thích một hạnh?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Khắc tánh môn.
2. Kiêm chánh môn.

Khắc tánh môn như trước đã nói. Kiêm chánh môn có hai nghĩa, một nghĩa về Bốn-Mạt thì kinh là Bốn giáo, hai loại còn lại theo thứ tự là Mạt giáo. Kiêm chánh môn: Định trong kinh là Chánh, Giới-Tuệ là Kiêm; luật-luận cũng như vậy, theo đó có thể biết.

Kinh này tức là thuộc về tạng Tu-đa-la. Bởi vì làm thành hai, cho nên giáo tức là hai. Căn có nhanh-chậm, pháp có cạn-sâu, cho nên dựa theo căn tánh chậm chạp của Thanh văn ngay nơi tánh phân biệt mà thiết lập ba Tạng, cho nên thành pháp hành Thanh văn; vì căn tánh nhanh nhạy của Bồ-tát, dựa theo nghĩa của ba vô tánh như Vô phân biệt... mà thiết lập ba Tạng, cho nên làm thành pháp hành Bồ-tát.

Hỏi: Kinh nói “Vì các Duyên giác mà nói về pháp quán nhân duyên.” Tức là Duyên giác cũng có giáo, vì sao không thiết lập Tạng?

Đáp: Dựa vào kinh Phổ Diệu thì ba thừa giáo thiết lập ba Tạng, nay dựa vào Nhiếp Luận và Địa Trì luận..., chỉ mượn giáo mà đưa vào Thanh văn Tạng, cho nên không thiết lập. Ở đây dùng hai nghĩa để trình bày:

1) Thanh văn Thanh văn, là người trước đây cầu đạo Thanh văn vui thích quán về bốn Đế, nay gặp Đức Phật thuyết về pháp bốn Đế đạt được đạo, trước có chủng tánh, nay lại nghe tiếng cho nên gọi là Thanh văn Thanh văn; như trong kinh nói: “Người cầu Thanh văn thì Như Lai vì họ nói về pháp bốn Chân đế.” Dựa vào đây để nói vậy.

2) Duyên giác Thanh văn, trước đây cầu đạo Duyên giác, nay gặp Đức Phật thuyết về giáo pháp nhân duyên; như trong kinh nói: “Người

câu Duyên giác thì Như Lai vì họ nói về pháp mười hai nhân duyên.” Dựa vào đây để luận bàn. Nghĩa trước là biết pháp qua tướng chung, nghĩa sau là biết pháp qua tướng riêng. Nhanh chậm tuy khác, nhưng cùng mong mỗi quả nhỏ, cho nên cuối cùng làm thành một Tạng. Nếu là người căn tánh nhanh nhạy bậc thượng sinh ra gặp thời không có Phật, tự ngộ nhân duyên mà đạt được đạo quả, thì có hành nhưng không có giáo, dựa vào đây mà phớt bỏ. Dựa vào kinh Phổ Diệu, hướng về lý giáo khác. Ngay trong Thanh văn có hai loại ấy, đó là đầu tiên chấp tánh giáo và các bộ chấp giáo như thuận phá tánh... Phá tánh giáo là phân biệt biết về pháp Không, cùng dựa vào bốn Đế hướng đến Tiểu quả, cho nên cùng đưa vào Thanh văn Tạng.

Trong Bồ-tát Tạng có hai:

1) Trước tu tập pháp Đại, sau lui vào pháp Tiểu, nay trở lại tiến vào pháp Đại. Trong kinh nói: “Trừ ra người trước đây tu tập học theo Tiểu thừa, nay ta cũng khiến cho tiến vào trong pháp này.” Gọi là Tiệm nhập.

2) Người đã từ lâu tu tập Đại thừa nay mới gặp Phật, thì có thể tiến vào Đốn giáo, cho nên trong kinh nói: “Hoặc có chúng sanh từ nhiều đời đến nay thường được ta giáo hóa, mới thấy thân ta, nghe pháp ta đã nói, thì đều tin nhận tiến vào trí tuệ Như Lai.” Kinh này tức là thâm nhiếp vào Đại thừa giáo.

Thứ hai là Đốn giáo thâm nhiếp, vì vậy về sau kinh nói: “Nếu chúng sanh yếu kém, tâm họ chìm đắm thì ta nêu rõ dùng đạo Thanh văn khiến cho thoát khỏi các khổ. Lại có chúng sanh các căn có phần nhanh nhạy sáng suốt, vui với pháp nhân duyên, thì ta vì họ nói về đạo Bích-chi Phật. Nếu người căn tánh sáng suốt nhanh nhạy, làm lợi ích cho chúng sanh, có tâm Đại Từ Bi, thì ta vì họ nói về đạo Bồ-tát; nếu có tâm Vô thượng quyết định vui với việc lớn, thì ta vì họ thị hiện thân Phật, thuyết ra vô lượng pháp Phật.” Lấy văn này để chứng minh thì biết là có Nhất thừa và Đốn giáo ba Thừa sai biệt. Lại dựa vào Nhiếp Luận của Chân Đế: Một là Nhất thừa, hai là Tam thừa, ba là Tiểu thừa.

Hỏi: Đốn ngộ và Nhất thừa phân biệt thế nào?

Đáp: Điều này cũng không nhất định, hoặc không phân biệt, hoặc dựa theo trí và giáo để phân biệt, nhưng là một cạn-một sâu. Nhất thừa Tạng tức là mười Tạng.

Thứ ba nói về Viên giáo, là thông đạt giới hạn tầng bậc ở trên cảnh giới Phật, nói về pháp môn giải thoát cứu cánh, đầy đủ Phật sự cho nên gọi là Viên. Kinh này tức là thuộc về Đốn giáo và Viên giáo. Sở dĩ

biết có Viên giáo là như vậy sau nói: Như dựa vào biển lớn mà có mười núi báu đều chắc chắn.

Hỏi: Kinh này vì sao bắt đầu nói thông ba Thừa phân biệt và thâm nhiếp?

Đáp: Bởi vì tông của kinh này cũng có đồng giáo-biệt giáo, cảnh của ba Thừa, thấy nghe và tu tập... Như kinh Pháp Hoa nói trong ba cõi dùng ba xe để dẫn dắt các con ra khỏi nhà lửa, đến chỗ trống riêng trao cho xe trâu lớn. Nhưng hai giáo này cùng ở ba cõi là cảnh của thấy nghe, mà Thanh văn đều là người nghèo khổ, là những người đã được dẫn dắt. Vì vậy biết ngoài Tiểu thừa có ba Thừa khác biệt, chủ bạn cùng có thể dẫn dắt nhau làm thành tông. Trình bày phạm vi thâm nhiếp của Tạng, xong.

Thứ 3: Phân rõ về Tông chỉ sở thuyết thì có hai loại: Một là chung (Tổng), hai là riêng (Biệt). Chung đó là nhân quả-duyên khởi-lý thật làm tông chỉ. Riêng có bốn phần:

- 1) Giáo nghĩa đối nhau để phân rõ tông chỉ.
- 2) Cảnh hành.
- 3) Lý sự.
- 4) Nhân quả.

Giáo là tông-nghĩa là chỉ, cảnh là tông-hành là chỉ, sự là tông-lý là chỉ, nhân là tông-quả là chỉ.

Tiếp đến là Giáo thể năng thuyết thì có năm loại: Nghĩa thứ nhất là thật âm thanh-danh vị cú, nghĩa thứ hai là có thể tựa âm thanh-danh vị cú, nghĩa thứ ba là không có thể tựa âm thanh-danh vị cú, nghĩa thứ tư là chỉ biết âm thanh-danh vị cú, nghĩa thứ năm là Chân như âm thanh-danh vị cú. Vì thế kinh nói: Tất cả pháp đều là Như.

Thứ 4: Giải thích đề mục của kinh: Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Thế Gian Tịnh Nhân Phẩm: Đại là bởi vì Thể-Tướng-

Dụng không có gì hơn được, nghĩa là Thể bình đẳng không thêm bớt, Tướng đầy đủ tánh công đức, Dụng phát sinh nhân quả thiện của thế gian và xuất thế gian. Phương là lý chánh chứ không phải tà. Quảng là lý số pháp môn đầy đủ tất cả các đức. Phật là giác ngộ, đây là gồm chung mười hiệu Phật và ba thân Phật. Hoa có hai loại, một là hoa tập quả không đi cùng với quả, như sinh tử là đồ dùng của đạo... cho đến nhân vị căn thiện...; hai là hoa trang nghiêm quả đồng thời với quả, như hoa Thất tịnh... và các đức của quả vị tròn đầy, một là do tu mà sinh ra, một là vốn có trang nghiêm lẫn nhau có thể biết. Nghiêm là trang sức.

Lại nói Đại là dấu hiệu nêu rõ từng phần đều rất thù thắng, cho

nên luận nói: Một Thể thù thắng cao rộng mà khác tên gọi, giáo thừa-tông chỉ đầy đủ ngang dọc không ngoài, gọi là gốc của Đại, không phải là hạn hẹp. Nói đến Phương là làm cho Viên thông, mọi nơi đều thiện, gặp duyên thì thuận theo, không chọn vật mà làm, cho nên nói là Phương. Nói đến Quảng thì cuộn cuộn mà sâu lắng, nhỏ bé mà xa vời, thăm thẳm mà lại rộng lớn, gọi là Quảng. Nói đến Phật thì chánh âm của Trung Hoa nói là Phật-đà, phương này gọi là Giác Giả, bởi vì thông suốt rõ ràng nguồn gốc của sự việc, tập khí trần lao vĩnh viễn không còn, trong lòng sáng suốt chỉ có tuyệt diệu, ánh sáng chiếu rọi đêm dài, dẫn dắt quần sinh mê hoặc, tự mình giác ngộ mà giác ngộ cho người, cho nên gọi là Phật-đà. Nói đến Hoa Nghiêm, đây là so sánh về đẹp đức hạnh của Pháp thân, Thể không phải là Chân thì không có thể làm sáng tỏ sự vi diệu ấy, Công không phải là cao nhất thì không có thể biểu hiện sự thù thắng ấy, nghĩa tỏa sáng lẫn nhau đều rất siêu việt. Có thể nói là đạt tới cực điểm của tự Thể viên thông vi diệu thù thắng. Điều ấy giống như các loại trân báu kỳ lạ, trang điểm trên khuôn mặt sắc vàng chỉ rất diễm lệ, thế gian không gì sánh được. Vì vậy dựa vào ví dụ này để nêu tên gọi, cho nên gọi là Hoa Nghiêm. Kinh là giáo pháp chân tịnh, dạy bảo bàn luận về phép tắc thông thường, văn giải thích về nghĩa lý, hiển bày về dụng-hành-tâm, cho nên gọi là kinh.

Thế Gian Tịnh Nhãn, đó là Thời-Trung-Khí như ba thế gian, và tướng có thể so sánh, nhưng Thể-Dụng sai biệt, cho nên hiện rõ ở thế gian, không ngại không nhiễm ví như mắt sáng. Cũng có thể Như Lai chưa xuất thế, không có người khéo léo dẫn dắt cho nên như mù, nay Phật xuất thế, hiện rõ tự-tha thanh tịnh ví như mắt sáng mà thôi.

Nói là Thế Gian Tịnh Nhãn, đây là thuận theo danh tự, nhưng Thời-Hội này đều là những dòng chảy thù thắng hòa vào các biển Phật, đức ở cõi tịnh mà trần vốn không nhiễm, sinh ra từ Thiên chân, tin không phải là hữu vi, cho nên nương nhờ để hiển bày duyên khởi vi diệu của đạo vô cùng trọn vẹn, không bỏ sanh tử mà không nhiễm ô. Vì vậy dựa vào sự làm tên, cho nên gọi là Thế Gian Tịnh Nhãn. Khó suy lường, không phải là ví dụ thì không thể nào hiểu được, cho nên thiết lập theo tướng trạng như vậy. Nếu như mắt trong ngoài đều sáng, trong ngoài đều trong suốt, thì cảnh tượng dọc ngang đều thuộc về một chuyển động, không nhỏ không lớn, không xa không gần, không trở ngại nhau, cho nên có thể dựa theo so sánh nêu ra như mắt. Vì vậy phần sau có kệ ca ngợi: Thế gian thanh tịnh giống như mắt. Nghĩa hiển bày về giáo pháp của Phật như vậy.

Phẩm là ngôn ngữ nghĩa lý như nhau, quy cách chủng loại theo nhau, gọi đó là Phẩm. Kinh này có ba mươi bốn phẩm, phẩm này xuyên suốt ở đầu tiên, cho nên gọi là thứ nhất. Đề mục của kinh ví như tông yếu, chỉ trình bày ở phẩm này, cho nên nói là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.

Thứ 5: Phân văn giải thích: Đầu tiên phân tích chung về phạm vi của giáo, tiếp đến giải thích riêng theo phạm vi của văn. Có hai: Một là đối với tà hiển bày chánh, trình bày về phạm vi ấy; hai là dựa theo nghĩa đã giải thích trình bày về phạm vi ấy.

Một là, đối với tà hiển bày chánh, trình bày về phạm vi ấy có bốn phần:

- 1) Dựa theo duyên phân rõ tà, như tám thời không nên nói...
- 2) Dựa theo nghiệp phân rõ tà, như người cầu danh lợi, tự cho mình đúng người khác thì sai, thích quả báo thế gian...
- 3) Dựa theo mê hoặc trình bày về tà, nghe làm nghe hiểu không thể không nghe, cho đến y pháp bất y nhân...
- 4) Dựa theo trước sau phân rõ tà, như kinh nói: Tám người Đại thiện đều sẽ thành bất thiện.

Hai là, dựa theo nghĩa đã giải thích trình bày về phạm vi ấy, sơ lược có mười phần:

1) Đồng thời cụ túc tương ứng môn, trong đó có mười ý: Một là giáo nghĩa đầy đủ, hai là lý sự đầy đủ, ba là giải hạnh đầy đủ, bốn là nhân quả đầy đủ, năm là nhân pháp đầy đủ, sáu là phạm vi cảnh vị đầy đủ, bảy là thầy trò pháp trí đầy đủ, tám là chủ bạn y chánh đầy đủ, chín là thể dụng nghịch thuận tự tại đầy đủ, mười là tùy theo căn cơ chúng sinh mong muốn thị hiện đầy đủ. Mười ý như vậy tương ứng không có trước sau.

2) Nhân-đà-la vãng cảnh giới môn, trong này có đủ mười ý trước, nhưng nghĩa thuận theo dụ khác nhau mà thôi, còn lại có thể dựa theo trên.

3) Bí mật ẩn hiển câu thành môn, phần này cũng có đủ mười ý trước, nhưng nghĩa thuận theo duyên khác nhau mà thôi, còn lại có thể dựa theo trên.

4) Vi tế tương dung an lập môn, phần này cũng có đủ mười ý trước, nhưng nghĩa thuận theo tướng khác nhau mà thôi, còn lại có thể dựa theo trên.

5) Thập thế cách pháp dị thành môn, phần này cũng có đủ mười ý trước, nhưng nghĩa thuận theo đời khác nhau mà thôi, còn lại có thể

dựa theo trên.

6) Chư tạng thuận tạp cụ đức môn, phần này cũng có đủ mười ý trước, nhưng nghĩa thuận theo đời khác nhau mà thôi, còn lại có thể dựa theo trên.

7) Nhất đa tương dung bất đồng môn, phần này cũng có đủ mười ý trước, nhưng nghĩa thuận theo lý khác nhau mà thôi, còn lại có thể dựa theo trên.

8) Chư pháp tương tức tự tại môn, phần này cũng có đủ mười ý trước, nhưng nghĩa thuận theo dụng khác nhau mà thôi, còn lại có thể dựa theo trên, cũng có thể dựa vào tánh.

9) Duy tâm hồi chuyển thiện thành môn, phần này cũng có đủ mười ý trước, nhưng nghĩa thuận theo tâm khác nhau mà thôi, còn lại có thể dựa theo trên.

10) Thác sự hiển pháp sanh giải môn, phần này cũng có đủ mười ý trước, nhưng nghĩa thuận theo trí khác nhau mà thôi, còn lại có thể dựa theo trên.

Mười môn sâu xa trên đây thấy đều sai khác. Nếu phạm vi giáo nghĩa tương ứng với mười môn này, thì chính là Nhất thừa Viên giáo và pháp môn Đốn giáo. Nếu các phần giáo nghĩa tương ứng với mười môn này mà không đầy đủ, thì chính là do Tiệm giáo ba thừa thâm nhiếp, nghĩa còn lại dựa vào pháp môn như Thiên Vương...ở sau, theo đó có thể hiểu.

Tùy văn giải thích: Thứ nhất sơ lược nêu ra tám loại giáo để trình bày về thành tựu lẫn nhau, và dựa theo ba giáo tương để trình bày theo thứ tự ấy; tiếp đến tùy văn giải thích.

- Tám giáo là:

- 1) Phạm vi của Nhất thừa và Tam thừa.
- 2) Ứng chân.
- 3) Xoay ba vào một.
- 4) Không hữu.
- 5) Phàm Thánh theo nhau.
- 6) Thường và Vô thường.
- 7) Tam thừa cùng hành.
- 8) Phân rõ pháp tà chánh.

Tám nghĩa này trên dưới đều nối thông, nói mở rộng-nói tóm lược theo nhau thành tựu hai tướng gốc ngọn, nên có thể theo đó suy nghĩ.

Dựa theo ba giáo tương thành tựu, đó là bắt đầu ở cội cây Bồ-đề, vì các Đại hạnh, luôn luôn thẳng thắn trình bày kỹ càng về tông

bổn, pháp luân rộng lớn thú hưởng huyền diệu, lại không nhờ duyên là Đốn.

Nói là Tiệm, là ở lúc bắt đầu luyện tập thi thiết phương tiện, khai phát Tam thừa dần dần tiếp nhận hóa độ, đầu nhỏ sau được, từ cạn đến sâu, lần lượt theo nhau để bước lên bờ giác, cho nên gọi là Tiệm.

Nói là Viên giáo, là thông đạt giới hạn tầng bậc ở trên cảnh giới Phật, nói về pháp môn giải thoát của Như Lai, thấu triệt tận cùng tông chỉ, đến nơi quả hạnh cao nhất, đầy đủ Phật sự, cho nên gọi là Viên. Như cùng tận mà thật, hưởng về đầy đủ không có gì hai, một vị như nhau cuối cùng không sót lại gì, có gì khác nhau. Nhưng vì công dụng đối trị không giống nhau, tùy theo căn khí cạn sâu khác nhau, mà nói phân biệt có ba. Theo thứ tự ấy thì dựa vào Nhất thừa liễu nghĩa, thật sự mà nói là dựa theo hạnh môn phương tiện đối trị khác nhau. Cần phải dựa theo có ba để trình bày thứ tự:

Dựa vào phương tiện tu tướng đối trị duyên khởi tự loại nhân hạnh để trình bày về ba giáo, Tiệm tức là ở đầu tiên, Đốn ở giữa, Viên sau cùng. Ba nghĩa này thuận theo Tiệm mà nói, đầu tiên dùng Tiệm để sinh Tín, tiếp đến dùng Đốn để thành Hạnh, tiếp đến dùng Viên để thành Thể-Dụng mà thôi.

Nếu lúc dựa theo thật tế duyên khởi tự Thể nhân hạnh để trình bày, thì trước là Đốn, tiếp là Tiệm, sau là Viên. Đầu tiên nêu rõ Đốn để khiến cho tu tập, tiếp theo nêu rõ Tiệm để làm sáng tỏ là vật, sau cùng nêu rõ Viên vốn là quả đức đầy đủ.

Nếu lúc dựa theo cùng tận thực tế pháp giới không tăng không giảm, không chướng ngại duyên khởi, tự Thể sâu xa, đạo quả bí mật, thì trước là Viên, tiếp là Đốn, sau là Tiệm. Sở dĩ như vậy, chính là vì dựa vào tông nhưng không mất đi huyền tướng, Viên đạo không lựa chọn ở phần bắt đầu. Vì vậy sự tuy gần mà rất xa, tướng tuy được mà rất tinh tế, cạn đến rất sâu mới cùng tận. Đầu tiên nêu rõ Viên khiến cho thấy nghe, tiếp theo làm sáng tỏ Đốn khiến cho tùy hỷ, sau cùng phân rõ phần vị của Tiệm, hiển bày đức phát khởi niềm tin mà thực hành. Đây chính là dựa theo Viên để trình bày về ba giáo mà thôi.

Nhưng giáo mới có thể như vậy, luận về ý chỉ ấy, thì chính là trình bày về đạo vô cùng viên mãn là Bồ-đề Vô thượng Pháp thân của Như Lai, phù hợp cùng tận Thật tướng, đức đầy đủ sâu rộng, nghĩa phát khởi chân bổn, hiển bày sáng tỏ đời sau, nói về quả rõ ràng ở nơi không đạt được, luận về nhân biểu hiện ở nơi không phát khởi, vốn là tướng của Vô tướng, nơi ấy sâu xa vắng lặng giống như hư không, ý chỉ đoạn tuyệt

danh tướng. Có thể nói là Đại đạo không ngôn từ mà sách vở huyền diệu khắp nơi, Chân dung không hình tượng mà diệu tướng trang nghiêm đầy đủ, hòa vào trí tuệ Phật, có đủ công hạnh Phật, đức biểu hiện vô cùng tuyệt vời, vượt qua thế gian. Vì vậy đầu kinh xuyên suốt dùng Phật Hoa Nghiêm để xưng danh, thì nên biết là nói đến Chỉ Nam, tông yếu ở tại nơi này.

Tùy văn giải thích: Một bộ giáo này có ba phần lớn, đó là Tựa-Chánh tông và Lưu thông. Nếu phân tích theo chiều dọc, thì tùy theo tám Hội có mười nghĩa khác nhau, còn lại dựa theo có thể biết. Một bộ kinh này gồm có bảy Xứ tám Hội, trong cõi người có ba, cõi trời có bốn gọi là bảy Xứ, hai Hội ở Phổ Quang gọi là tám Hội. Đây là thứ tự của pháp cho nên có bảy Xứ tám Hội mà thôi. Văn tướng của bảy Xứ tám Hội này không giống nhau về có-không, sơ lược dùng mười môn để phân biệt.

Ngay trong tám Hội, sở dĩ đầu tiên trình bày về Đức Phật, bởi vì Phật là Hóa chủ, nay thân nhiếp vật nhất định phải lấy Hóa chủ làm đầu, cho nên trình bày đầu tiên. Hai là Đại Thánh thuyết pháp có nơi nương tựa, tiếp đến phân rõ về nơi chốn. Ba là nhiếp hóa có người tiếp nhận, tiếp đến trình bày về Bồ-tát. Bốn là căn khí tuy đầy đủ, mà nếu thừa thĩnh không đầy đủ, thì không nói cho biết, tiếp đến sinh nghi. Năm là giáo pháp thấm nhuần khắp nơi, tiếp đến phân rõ về quy tụ chúng mới. Sáu là pháp sâu xa không xem xét thì không có thể lập tức nói ra, tiếp đến phân rõ về nhập định. Bảy là muốn phân rõ về pháp thù thắng, cho nên trình bày về Phật gia hộ. Tám là hiển bày phạm vi trước sau của pháp, tiếp đến trình bày về sự khác nhau của xuất thế và không xuất thế. Chín là pháp thù thắng đã nói ra, tiếp đến là trình bày về lợi ích của pháp, cho nên phân rõ về động đất-mưa hoa... Mười là công dụng rõ ràng như vậy, giáo hóa không sai lệch quanh co, mười phương cùng chuyển khế hợp không trống rỗng, cho nên tiếp đến phân rõ về kết thúc pháp hội bình đẳng, hiển bày chứng đắc thuật lại thành tựu. Mười môn này nếu tách rời mưa hoa..., thì quả là có mười lăm, rải hoa-đốt hương-tỏa ánh sáng-trời nhạc-mưa vật báu, thân nhiếp năm làm thành một, nay đều thân nhiếp thuộc về mười mà thôi.

Đối với Hội giải thích về có-không. Bảy Xứ trong ba thân Phật là thân nào? Giải thích về điều này có hai: Một là hạn chế, hai là mở rộng. Hạn chế thì tám Hội đều không phải là Tiểu kiến, cho nên là Báo thân.

Hỏi: Đã là Báo thân thì không phải là Hóa thân, vì sao Xứ cùng

với sau lại giống nhau?

Đáp: Đây là bởi vì trước phải lưu truyền ở đời Mạt pháp, cho nên nương thời gian xứ sở để phân rõ.

Lại hỏi: Nếu nương thời gian thì vì sao kinh nói cõi trời A-ca-ni-tra thành tựu?

Đáp: Điều này có hai nghĩa, một là nương Hóa thân hiển bày Báo thân, tức là tám Hội; hai là nương Báo thân hiển bày Hóa thân, tức là cõi Sắc Cứu Cánh, vì làm sáng tỏ cõi Dục là Hóa thân cho nên dựa theo tướng là Hóa thân, nay luận về ý giáo mà thôi.

Mở rộng thì có đủ ba thân, mỗi một thân thành tựu lẫn nhau. Lại trong văn Phổ Hiền nói: “Ở trong thân con không có chướng ngại.” Lại phân rõ về thế giới hải Hoa Nghiêm, lại nương vào cõi cây Bồ-đề..., cho nên biết vậy. Đây là dựa theo ba Thừa để phân rõ. Nếu dựa theo Nhất thừa thì về sau mười Phật thầy đều có tất cả.

Phân văn làm ba phần Tựa-Chánh tông và Lưu thông, phần Tựa là tướng phương tiện, phần Chánh tông là nói về tướng Thế, phần Lưu thông là tướng Dụng. Phẩm Tịnh Nhãn này là phần Tựa, phẩm Lô-xá-na về sau là phân rõ về phần Chánh tông, vì kinh không đến cuối cùng cho nên không có phần Lưu thông, vì lẽ đó mà biết.

Đại Luận nói: “Kinh Bát Tư Nghị có mười vạn bài kệ, ở đây chỉ có ba vạn sáu ngàn kệ.” Vì vậy biết cũng có thể có phần Lưu thông, là văn từ câu “Chúng sanh tâm vi trần...” về sau, nhưng vì Bồ-tát Long Thọ kết hợp mười vạn bài kệ ở phần Sự..., theo đó giản lược cho nên không đủ. Nếu theo văn nghĩa để phân tích, thì đến văn phân rõ khác nhau mà thôi.

Văn phần Tựa phân hai: Một là trình bày về Chứng tín, hai là từ “Thiên Vương thiết lễ cúng dường...” trở xuống trình bày về Tựa phát khởi.

Văn phần Tựa chứng tín có hai nghĩa: Một, hai câu bốn chữ giới hạn trong Chứng tín này; hai, từ “Một thời...” trở xuống là nghĩa có mở rộng. Đây là dựa theo một nghĩa mà thôi. Vả lại, cũng có thể nghĩa hai câu nối thông một bộ kinh mà văn giới hạn. Bắt đầu từ “Một thời...” trở xuống văn nối thông mà nghĩa giới hạn, dựa theo nghĩa này thì có sáu câu:

- 1) Như thị.
- 2) Ngã văn.
- 3) Nhất thời.
- 4) Phật.

5) Trú xứ.

6) Chúng đồng văn.

1. *Giải thích Như thị*: là Thánh chúng-lý giáo tương ứng với văn nghĩa, cũng có thể nói tôi biểu đạt văn nghĩa như Phật đã nói, là nghĩa của Thánh giáo, lại là từ tin thuận mà thôi.

2. *Ngã văn*: có thể biết.

3. *Nhất thời*: là lúc căn tiếp nhận và giáo pháp truyền trao tương ứng. Thời có ba nghĩa: Một là Bình đẳng thời, đó là không chìm nổi điên đảo; hai là Hòa hợp thời, đó là khiến nghe-có thể nghe-đích thực nghe; ba là Chuyển pháp luân thời, đó là Chánh thuyết-Chánh thọ.

4. *Phật*: thì có thể biết.

5. *Trú xứ*: là Đạo tràng Tịch Diệt ở nước Ma-kiệt-đề, đây là nơi Đại Thánh nhờ cậy. Dùng một nơi để giải thích tất cả các nơi, nước thì mở rộng, đạo tràng thì giới hạn, Trung Hoa nói là nước Vô Hại, Tịch diệt là biểu thị cho đức tịch tĩnh quả viên mãn lìa chướng.

Mới thành là có hai nghĩa: Một là mới đắc đạo, thời gian bảy ngày thứ nhất; hai là mới hiện thế, thời gian bảy ngày thứ hai thuyết pháp. Từ đó khiến cho mọi người biết mới thành đạo. Văn này có hai: Một là hai câu tổng quát nêu ra y-chánh thiết lập tông; hai là riêng biệt phân rõ.

Trong phần riêng biệt phân hai: Một là giải thích về Y báo; hai là từ “Như Lai ở nơi này...” trở xuống phân rõ về Chánh báo.

Phân một: Y báo tức là khí thế gian, văn có ba: Một, phân rõ về địa điểm Đạo tràng; hai, từ “Kỳ Bồ-đề thọ...” trở xuống phân rõ về cây Bồ-đề ấy; ba, từ “Bất khả tư nghì...” trở xuống trình bày về tòa Sư tử. Đây là lập ý, đất là căn bản để an trú hạnh nghiệp, cây là xây dựng các đức, tòa là công dụng thâm nhiếp làm lợi ích.

Một trong Đạo tràng có ba câu: Một, phân rõ về Thế đạo tràng trang nghiêm đầy đủ; hai, từ “Phật thân lực...” trở xuống trình bày về giúp đỡ thành tựu quả đức; ba, từ “Vô lượng thiện căn...” trở xuống đưa ra nhân hạnh ấy.

Một là Thế, văn lại có ba: Một, tổng quát phân rõ về Thế; hai, từ “Chúng tạp bảo hoa...” trở xuống sáu câu phân rõ về đức tự lợi; ba, từ “Vũ vô tận bảo...” trở xuống là đức tự lợi lợi tha.

Trong sáu câu về tự lợi, đầu tiên một câu là vi diệu viên tịnh, tiếp một câu là có đủ tịnh đức, tiếp một câu là sắc tướng tịnh, tiếp một câu là cao hiển tịnh, tiếp một câu là quyền thuộc tịnh, tiếp một câu là ảnh tịnh.

Trong hai câu về lợi tha, câu đầu là trình bày tâm dụng tịnh, tiếp

một câu là phú nhuận tịnh. Hai câu này nối thông tự-tha.

Tiếp từ “Phật thân lực...” trở xuống trong câu thứ hai có ba câu, một là trình bày biến hiện Tịnh độ làm cho mặt đất rộng lớn, hai từ “Quang minh phổ chiếu...” trở xuống là đức dụng, ba là tất cả vật báu tuyệt vời kỳ lạ tích chứa... là Thể thâm nhiếp các đức.

Ngay phần cây Bồ-đề, vẫn có hai câu: Một, có chín câu phân rõ về Thể trang nghiêm của cây; hai, từ “Phật thân lực...” trở xuống phân rõ về giúp đỡ thành tựu quả đức.

Văn phần một phân ba: Một, trình bày về Thể của cây cao lớn tốt đẹp có thể che mát; hai, từ “Thanh tịnh lưu ly...” trở xuống năm câu chính thức phân rõ về trang nghiêm; ba, từ “Thọ quang phổ chiếu...” trở xuống ba câu trình bày về dụng của lợi tha, trong này có ba nghiệp: Đầu là ý, tiếp là thân, tiếp là khẩu.

Văn về tòa Sư tử phân năm: Một, trình bày Thể của tòa vượt quá sự nhận biết thường tình; hai, từ “Chúng diệu bảo hoa...” trở xuống chính thức phân rõ về trang nghiêm; ba, từ “Lưu quang như vân...” trở xuống phân rõ về dụng của lợi tha, cũng có ba nghiệp: Đầu là thân, tiếp là ý, sau là khẩu; bốn, từ “Như Lai quang minh du...” trở xuống, trên là quả-dưới là gia hộ, có năm câu:

- 1) Che mát thù thắng,
- 2) Cảm hóa thù thắng,
- 3) Vô ngại thù thắng,
- 4) Nhanh khắp thù thắng,

5) Đủ đức thù thắng; năm, từ “Vô lượng chúng bảo...” trở xuống là tổng kết thành tựu.

Phần hai: phân rõ Chánh báo, vẫn có hai: Một, Như Lai xứ... là giải thích tổng quát; hai, từ “Liễu tam thế...” trở xuống là giải thích riêng biệt.

Phần thứ hai giải thích riêng biệt, vẫn có ba: Một, trình bày về Pháp thân; hai, từ “Kỳ thân biến tọa nhất thiết đạo tràng...” trở xuống trình bày về Báo thân; ba, từ “Tất năng phổ hiện nhất thiết chúng hội...” trở xuống trình bày về Hóa thân. Đây là dựa theo ba Thừa mà phân văn. Nếu dựa vào Nhất thừa thì trong này có đủ Thể-Đức-Dụng của mười Phật, theo đó để suy nghĩ thâm nhiếp.

Một là Pháp thân, vẫn có ba câu: Một, phân rõ đức của thân nghiệp có hai câu; hai, từ “Diệu Âm biến chí...” trở xuống hai câu trình bày về đức của khẩu nghiệp; ba, từ “Bình đẳng pháp tướng...” trở xuống ba câu phân rõ về đức của ý nghiệp.

Hai là Báo thân, văn phân làm ba: Một, thân dụng có bốn câu, một là phạm vi của tòa Sư tử, hai là biết căn hạnh, ba là trừ hoặc nhiễm, bốn là phát sinh đức; hai, từ “Phổ quang tam thế trí hải quang minh...” trở xuống ba câu phân rõ về khẩu nghiệp; ba, từ “Lực vô úy...” trở xuống một câu trình bày về ý nghiệp ấy.

Ba là văn phân rõ Hóa thân: Một, thân nghiệp có ba câu; hai, từ “Liễu đạt nhất thiết...” trở xuống hai câu là ý nghiệp; ba, từ “Nhất thiết quang minh...” trở xuống hai câu là khẩu nghiệp.

Ngay phần khẩu nghiệp, văn phân làm hai: Một, phân rõ về các nghĩa phóng ánh sáng có thể hiển hiện khắp nơi; hai, từ “Chư Phật thế giới...” trở xuống là phân rõ về phạm vi lợi ích.

6. *Chúng đồng văn*: tức là thế gian chúng sanh, văn trình bày về đại chúng viên tập, phần này phân rõ làm hai môn: Một, trình bày về các Hội có-không khác nhau; hai, dựa vào văn giải thích.

- *Thứ nhất có-không phân làm hai*: Một, Đại-Tiểu; hai, tạp loại. Đại-Tiểu thì bảy Hội đều là Đại, Hội thứ tám gồm chung Tiểu thừa, vì lẽ đó bảy Hội trước là hiển bày Thể của Đốn giáo Đại thừa, Hội thứ tám là nhập pháp giới, thâm nhiếp tất cả Tiểu thừa khiến cho hòa vào Đại thừa, hiển bày về nhân lực. Tạp loại thì chỉ một Hội trước và một Hội sau, nêu ra tên gọi của các Thần Vương với chủng loại xen tạp, còn lại tóm lược không nêu ra, vì lẽ đó Hội trước là biểu hiện sự ngưỡng mộ tu tập tin như hợp với pháp giới, người tin hiểu về tướng vạn hạnh, Hội sau là biểu hiện hợp với pháp giới thâm nhiếp pháp giới, người tu tập hòa vào đức đầy đủ tướng.

Hỏi. Nếu như vậy thì vì sao kinh Niết-bàn thâm nhiếp nhiều loại chúng, mà kinh này lại ít?

Đáp: Kinh Niết-bàn hướng về thuần thực cho nên nói xa, kinh này dựa theo mới bắt đầu mà luận về gần, cho nên có thể biết. Nhưng cũng có thể mới bắt đầu dựa theo phần vị thứ nhất làm giới hạn, cho nên không gồm chung Tiểu thừa Hạ căn, còn lại như phần sau phân rõ.

- *Thứ hai giải thích văn, phân làm ba*:

1) Phân biệt Tịnh độ của Pháp thân Như Lai thâm nhiếp ba mươi bốn chúng.

2) Từ “Nhĩ thời ư Phật sư tử tòa...” trở xuống lại dùng sức phương tiện của Tịnh độ Pháp thân thâm nhiếp phát khởi một chúng, từ đầu đến cuối gồm có ba mươi lăm chúng.

Một, sơ lược nêu ra tên gọi của chúng; hai, nêu ra tên gọi ca ngợi về đức.

Văn phần một phân làm hai: Một, phân rõ Bồ-tát... là trình bày về chúng Vô vi duyên tập; hai, các thân... là trình bày về chúng Hữu vi duyên tập. Phần hai nêu ra tên gọi ca ngợi về đức, theo đó có thể biết.

Phần một trong chúng Bồ-tát phân ba: Một là nêu ra số; hai là nêu ra tên Bồ-tát, phần này có ba, một là phân rõ, hai là kết thúc, ba là ca ngợi đức. Dữ câu (cùng với) thì có hai: Một, Phật cùng với Bồ-tát cùng nói; hai, truyền pháp cùng với Bồ-tát cùng nghe. Phổ là đức đầy đủ pháp giới gọi là Phổ, rất thuận theo điều hòa mềm mỏng gọi là Hiền. Vì vậy trong này trình bày tên gọi Bồ-tát xen tạp có hai ý: Một là bởi vì hiển bày thế giới xen tạp như thô tế... phía dưới; hai là bởi vì chúng này nổi thông xuống dưới tám Hội theo thứ tự hiển bày nhiều loại pháp. Còn lại thì có thể biết. Ba là ca ngợi đức, vẫn có bốn: Một, ca ngợi tổng quát; hai, từ “Chư Ba-la-mật...” trở xuống ca ngợi riêng biệt về đức của phần mình (tự); ba, từ “Vô thượng trí nguyện...” trở xuống phân rõ riêng biệt có thể hòa vào đức của phần khác (tha); bốn, từ “Tất đắc chư Phật...” trở xuống phân rõ hạnh nguyện Phổ Hiền nhiếp hoá tự tại.

Ca ngợi tổng quát, văn phân hai:

1) Đầu là bạn tốt hiển bày về người thù thắng, Lô-xá-na ở đây nói là rộng lớn nghiêm tịnh;

2) Phân rõ về phần mình, vẫn có ba câu, một là trình bày về hạnh tự lợi, hai từ “Biện tài đại hải...” trở xuống là hạnh lợi tha, ba từ “Trú ư nhất địa...” trở xuống trình bày về dùng công hạnh thành tựu địa vị, phân rõ về phạm vi đã thâm nhiếp. Nói trú vào một địa thâm nhiếp khắp tất cả các địa..., là dựa vào hành tướng theo thứ tự cuối cùng đến tận cùng tự Thể chân thật mà luận, sơ lược cần phải có bốn: Một, bởi vì từ ban đầu mà có thể sinh ra sau cùng, cuối cùng đầy đủ, cho nên gọi là Nhiếp; hai, tuy đầy đủ từ đầu, nhưng đều có thể thực hành công hạnh ở các địa, các pháp không khác, cho nên nói là Nhiếp, mà công hạnh đã thành chỉ thuộc về phần vị của mình, trên dưới hơn kém chỉ lấy sáng tỏ-mê mờ làm khác; ba, nhưng ban đầu mà thâm nhiếp tất cả công đức của các địa, cho nên gọi là Nhiếp; bốn, không phải nói là bởi vì ban đầu cho nên gọi là Nhiếp, nhưng ban đầu mà đích thực là cuối cùng cho nên gọi là Nhiếp.

Ngay phần Tự lợi phân ba, đó là tổng quát-chính thức và hỗ trợ.

Văn phần Lợi tha có ba, đầu một câu phân rõ về khẩu nghiệp, tiếp một câu là thân nghiệp, tiếp ba câu từ “Thiện tri...” trở xuống là ý nghiệp. Trong này một là biết căn, hai là biết pháp về lý, ba là biết pháp về sự.

Văn về Tha phần có bốn câu: Một-Trình bày về Tự lợi có năm câu, một là đạt được nguyện, hai là đạt được giáo, ba là đạt được pháp của quả, bốn là đạt được đức của phần vị, năm là đạt được định; hai-Từ “Ư chúng sinh hải...” trở xuống là Lợi tha có hai câu, đầu là thiết lập, sau là giải thích; ba-Từ “Thiện nhập...” trở xuống hai câu là khéo hòa vào Pháp thân, đầu là thiết lập, sau là giải thích; 4-Từ “Biển du...” trở xuống hai câu là vật sinh ra cõi tịnh, đầu là thế giới hải, sau là quốc độ hải.

Thứ tư là Hạnh nguyện Phổ Hiền, văn có bốn: Một, đạt được phương tiện của chư Phật ba đời; hai, phân rõ về cúng dường; ba, đạt được nguyện Phổ Hiền; bốn, thâm nhiếp chúng sinh thành trí đức, cũng có thể đối với vật thâm nhiếp hơn hẳn.

Ngay văn của chúng Hữu vi duyên tập, có ba mươi ba chúng, số dĩ nêu ra tên gọi từ dưới lên trên, bởi vì biểu hiện tiến vào công hạnh thêm sâu xa.

Hỏi: Các chúng này trú trong cõi nào?

Đáp: Chúng này một thân trú trong một cõi của bốn cõi, một phần trú trong cõi hóa hiện của ba cõi, điều này có thể suy nghĩ. Vì sao? Bởi vì sau văn ca ngợi Phật từ trên đến dưới nêu ra, là làm sáng tỏ địa vị tôn quý theo thứ tự.

Đầu tiên là chúng Lực sĩ phân ba: Một, đưa ra số; hai, nêu ra tên; ba, ca ngợi đức. Văn ca ngợi đức có ba: Đầu tiên là tổng quát; tiếp theo năm câu riêng biệt, một có đủ nguyện môn, hai có đủ đức môn, ba có đủ định môn, bốn có đủ thần lực môn, năm có đủ giải thoát môn, tức là đức Tự lợi; ba từ “Xử nhất thiết chúng sinh...” trở xuống hai câu là Lợi tha. Nêu ra tên gọi ca ngợi đức của các chúng còn lại có thể biết.

Ca-lâu-la là chim cánh vàng.

Khẩn-na-la ở đây nói là Nghi thần, trởi nhạc.

Ma-hầu-la-già ở đây nói là Mãng thần.

Dạ-ma ở đây nói là Thời Thiên, cũng gọi là Diệu Thiện.

Đâu-suất ở đây nói là Tri Túc.

Đại Phạm là chúng này do mới lìa nhiễm cõi Dục.

Ma-hê-thủ-la ở đây nói là Đại Tự Tại Thiên. Văn có ba, hai phần trước có thể biết, ngay phần ca ngợi đức văn có bốn đoạn: Một, ca ngợi tổng quát; hai, từ “Ư nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là ca ngợi riêng biệt về Lợi tha; ba, từ “Vô lượng diệu sắc...” trở xuống là ca ngợi về Tự lợi; bốn, từ “Đổ Phật tư nhan cho đến sở dĩ giả hà...” trở xuống là dựa vào sự việc để phân rõ về nguyên cố thành tựu hai dụng.

Ba là văn Tự lợi phân ba: Một, trình bày về thân nghiệp của Pháp thân; hai, từ “Ưu thập lực trung...” trở xuống trình bày về ý nghiệp; ba, từ “Xử nhất thiết chúng...” trở xuống là khẩu nghiệp, văn này có năm câu, lần lượt chuyển tiếp có thể biết.

Bốn là phân rõ về nguyên cố, văn có hai: Một, trình bày về sở y; hai, phân rõ về nguyên cố. Trong phân rõ về nguyên cố, đầu là hỏi-tiếp là đáp. Văn đáp có ba: Một, phân rõ về duyên sở y; hai, từ “Ưu chư Như Lai...” trở xuống trình bày dựa vào duyên thành hạnh; ba, từ “Các tùy...” trở xuống là kết luận về thành tựu riêng biệt, suy ra công lao thuộc về Phật. Trong văn phần hai có sáu câu: Một là ở phần vị Tín được Phật nhiếp thọ phát sinh căn thiện; hai là Phật dẫn dắt tiến vào phần vị Giải; ba là Phật nhiếp thọ tiến vào phần vị Chứng trở lên; bốn từ “Đãi đắc vô lượng công đức...” trở xuống trình bày về đạt được tám Địa trở lên không có thể lực dụng công; năm từ “Giai tất thành tựu...” trở xuống phân rõ về nguyện hạnh Phổ Hiền từ mười Địa trở lên; sáu từ “Bồ-tát sở hành...” trở xuống là kết luận về thành tựu riêng biệt.

Ba là trong văn kết luận công lao thuộc về Phật, phân bốn: Một là kết luận; hai là chính thức suy ra ánh sáng trí tuệ của Như Lai chiếu rọi khắp nơi; ba là được thành tựu nương nhờ lực giải thoát tiến vào biển quả của Phật, đích thân phân rõ về nguyên cố; bốn là đối với pháp môn đạt được thành tựu tự tại nói rõ đã thực hành đầy đủ. Cũng có thể bốn câu lần lượt chuyển tiếp phân rõ về thành tựu.

Tiếp theo là mười tám chúng trong văn ca ngợi Phật, ở đây chỉ tóm lược trên ẩn hiển, cho nên trình bày về mười tám, tất cả phân làm hai: Một, các chúng như Thiện Hải... đều đối với một pháp môn đạt được tự tại; hai, Bồ-tát Phổ Hiền là chúng thứ mười tám đối với tất cả pháp môn đạt được tự tại. Trong này dựa theo duyên khởi lâu quán để hiển bày về phạm vi của phần đức đồng sinh-dị sinh, nên đáng suy nghĩ! Cũng có thể mười bảy chúng trước là dị sinh, Bồ-tát Phổ Hiền thuộc chúng thứ mười tám sau cùng là đồng sinh.

Ngay văn dị sinh có mười bảy:

Một, trong Thiện Hải có hai, một là nêu ra pháp môn tự tại tức là ý nghiệp thực hành cúng dường, thân Vương hiện tại tức là thân nghiệp cúng dường, hai từ “Thuyết kệ...” trở xuống là phân rõ khẩu nghiệp cúng dường. Văn kệ ca ngợi tổng quát là ca ngợi ba nghiệp của Như Lai đầy đủ công dụng pháp giới. Trong đó, đầu tiên là sáu kệ tổng quát ca ngợi ba nghiệp của Phật thù thắng ở thế gian, hai có sáu kệ từ “Nhất thiết thế gian chúng sinh...” trở xuống là ba nghiệp ở thế gian khởi lên

đức dụng thù thắng, tiếp từ “Như Lai diệu sắc thân...” trở xuống hai kệ ca ngợi riêng biệt về thân nghiệp, tiếp theo từ “Như Lai âm thanh vô ngại...” trở xuống hai kệ ca ngợi riêng biệt về khẩu nghiệp, tiếp theo từ “Nhất thiết thập phương vô biên Phật...” trở xuống hai kệ phân rõ về ý nghiệp của Phật, tiếp theo hai kệ nêu ra nhân giải thích về thành tựu.

Hai, kệ của Lạc Nghiệp Quang Thiên ca ngợi đức tịch dụng song hành của Phật, văn phân ba: Một là một kệ ca ngợi tổng quát, hai là mười sáu kệ nêu ra riêng biệt, ba từ “Vô số vô lượng kiếp...” trở xuống hai kệ nêu nhân kết thành.

Ba, Tam thiên có bảy trời, Tịnh Trí có hai mươi hai kệ, tổng quát ca ngợi công năng của thân nghiệp Như Lai, sáu kệ đầu ca ngợi Pháp thân, tiếp theo sáu kệ ca ngợi Báo thân, tiếp theo sáu kệ ca ngợi Hóa thân, tiếp theo bốn kệ tổng quát ca ngợi đức Từ Bi của Như Lai.

Bốn, Nhị thiên có mười trời, hai mươi kệ tổng quát ca ngợi pháp hành Đại phương tiện và pháp đã chứng đắc của Như Lai, sáu kệ đầu tổng quát ca ngợi pháp hành phương tiện của Phật, tiếp theo sáu kệ ca ngợi dùng pháp môn để thâm nhiếp giáo hóa, tiếp theo sáu kệ ca ngợi hóa hiện tám tướng thành đạo, tiếp theo hai kệ nêu nhân kết thành.

Năm, Sơ thiên có mười trời, trong tụng có mười sáu kệ ca ngợi đức tịch dụng vô ngại tự tại của Như Lai, bốn kệ đầu ca ngợi thân nghiệp của Phật, tiếp theo bốn kệ ca ngợi khẩu nghiệp vô ngại của Phật, tiếp theo bốn kệ ca ngợi ý nghiệp của Phật, tiếp theo bốn kệ ca ngợi ba nghiệp vô biên.

Sáu, cõi Tha Hóa có mười trời, văn tụng có hai mươi kệ ca ngợi về dụng Hậu đắc trí của Phật, bốn kệ đầu là Pháp thân lợi ích khắp nơi sinh thiện diệt ác, tiếp theo bốn kệ là dụng khẩu nghiệp của Phật, tiếp theo hai kệ là dụng ý nghiệp của Phật, tiếp theo sáu kệ tổng quát ca ngợi Phật có thể diệt ác sinh thiện, tiếp theo bốn kệ ca ngợi Phật ứng cơ tự tại mà không có tâm cao xa.

Bảy, cõi Hóa Lạc có hai mươi kệ, trong đó ca ngợi về đức của ba thân Phật, sáu kệ đầu ca ngợi đức dụng tự tại của Pháp thân, tiếp theo mười bốn kệ ca ngợi Báo thân. Trong mười bốn có bốn: Hai kệ đầu phân rõ về khẩu nghiệp của Phật, tiếp theo sáu kệ là thân nghiệp, tiếp theo bốn kệ ca ngợi nhân vốn có của Phật, tiếp theo hai kệ ca ngợi Phật tự tại thâm nhiếp chúng sinh.

Tám, cõi Đâu Suất có tám trời, trong tụng có mười sáu kệ tổng quát ca ngợi Phật tự tại thuyết pháp khắp nơi pháp giới, sáu kệ đầu tổng quát ca ngợi về dụng vô ngại của Phật, tiếp theo sáu kệ ca ngợi đức trừ

diệt ba chương sinh khởi của Phật, tiếp theo hai kệ ca ngợi Phật có thể thành tựu chúng sinh thực hành lợi ích không trống rỗng, tiếp theo hai kệ ca ngợi Chúng viên tập hiền bày lực thâm nhiếp của Thánh mà thôi.

Chín, cõi Dạ Ma có mười trời, tụng có mười sáu kệ tổng quát ca ngợi về công đức ba nghiệp của Phật, tám kệ đầu là ý nghiệp, tiếp theo hai kệ là khẩu nghiệp, tiếp theo sáu kệ là thân nghiệp.

Mười, cõi Đạo Lợi có mười trời, tụng có hai mươi kệ tổng quát ca ngợi về trí môn Bồ-đề Quyền Thật của chư Phật ba đời, bốn kệ đầu phân rõ về người niệm Phật thì gặp được Thánh duyên, tiếp theo tám kệ phân rõ về phương tiện che phủ vật của Phật, tiếp theo sáu kệ ca ngợi Phật thành tựu thân Thắng trí khiến cho người tu tập tiến vào thành tựu lợi ích thù thắng, tiếp theo hai kệ kết luận khuyến khích niệm Phật trừ diệt ba chương, tức là nghiệp báo phiền não mà thôi.

Mười một, Nhật Thiên có mười trời, trong tụng có hai mươi hai kệ tổng quát ca ngợi về công năng của trí Phật như mặt trời, mười hai kệ đầu ca ngợi về các đức trang nghiêm của Phật, tiếp theo tám kệ ca ngợi về trí phương tiện thù thắng của Phật, tiếp theo hai kệ ca ngợi về sự sâu rộng của pháp.

Mười hai, Nguyệt Thiên có mười trời, trong tụng có mười sáu kệ tổng quát ca ngợi Phật ở trong ngu si tối tăm phóng ánh sáng trí giáo thành tựu quán hành, mười kệ đầu phân rõ ánh sáng trí của Phật lợi ích chúng sinh thành tựu chứng đắc mà tâm không lay động, tiếp theo sáu kệ trình bày về phóng ánh sáng trí chuyển tướng chỉ bày thành tựu Chánh quán.

Mười ba, tiếp theo xuống dưới bốn chúng như Càn-thát-bà... tức là Tứ Thiên Vương, từ sự thống lĩnh làm tên gọi cho nên đưa ra cách nói này. Nếu từ tên gọi của người đứng đầu, thì trong Đại Luận nói: “Cõi trời phương Đông gọi là Đê-đâu-lại-tra, Trung Hoa nói là Trì Quốc, thống lĩnh hai bộ quỷ thần, một tên là Càn-thát-bà, hai tên là Tỳ-xá-xà. Cõi trời phương Nam gọi là Tỳ-lâu-lặc-xoa, Trung Hoa nói là Tăng Trưởng, thống lĩnh hai bộ quỷ thần, một tên là Cư-bàn-trà, hai tên là Tích-lệ-đa. Cõi trời phương Tây gọi là Tỳ-lâu-bác-xoa, Trung Hoa nói là Tạp Ngữ, thống lĩnh hai bộ quỷ thần, một là các Rồng, hai là Phú-đa-na. Cõi trời phương Bắc gọi là Tỳ-sa-môn, Trung Hoa nói là Đa Văn, thống lĩnh hai bộ quỷ thần, một là Dạ-xoa, hai là La-sát. Sự thống lĩnh này tức là tám bộ quỷ thần trong kinh, đây chính là một cõi trời trong hai mươi tám cõi trời.”

Cõi trời phương Đông có mười, đó là Trì Quốc..., trong tụng có hai

mười kệ tổng quát phân rõ về đức Từ Bi phương tiện thị hiện pháp sự ở Tịnh độ thành tựu hạnh Lợi tha, sáu kệ đầu ca ngợi Phật thâm nhiếp chúng sinh khiến cho thấy Pháp thân, tiếp theo có tám kệ ca ngợi Phật ở Tịnh độ nhiếp hóa chúng sinh đạt được quả, tiếp theo có sáu kệ ca ngợi Phật tùy theo nơi chốn làm lợi ích cho mọi loài.

Cõi trời phương Nam có mười, tụng có hai mươi kệ ca ngợi về pháp môn Từ Bi của Phật, sáu kệ đầu ca ngợi Phật Đại Bi chịu khổ điều phục chúng sinh, tiếp theo mười bốn kệ trình bày về đức Bi bao trùm mười phương mà Dụng không có tướng. Trong đó có hai, mười hai kệ đầu phân rõ về tướng Từ Bi, tiếp theo hai kệ phân rõ về Dụng là tướng.

Cõi trời phương Tây có mười, trong tụng có hai mươi kệ ca ngợi đức Bi của Phật làm lợi ích khiến cho chúng sinh đạt được pháp hỷ, sáu kệ đầu phân rõ về lực Từ Bi độ của Phật cứu độ chúng sinh, tiếp theo bốn kệ ca ngợi Phật ở trong sinh tử khiến cho chúng sanh tiến vào biển pháp, tiếp theo bốn kệ khiến cho ở nơi khổ đau có được Tịnh độ, tiếp theo sáu kệ ca ngợi ca ngợi Phật ở trong Tịnh độ thuyết về pháp hải vi diệu thành tựu pháp cúng dường. Như kinh Tu Di Tạng nói: “Quả báo loài rồng có năm loại hình:

- 1) Thiện Trú long là hình voi.
- 2) Nan-đà long là hình rắn.
- 3) A-na-bà-đạt long là hình ngựa.
- 4) Bà-lâu-na long là hình cá.

5) Ma-na-tô-bà-đế long cũng gọi là Ma-na-tư là hình ếch ương.”
Biến đổi hình dạng như trong luật nói, đều thống lĩnh những loài hình rồng.

Cõi trời phương Bắc, Dạ-xoa là nhẹ nhàng nhanh nhạy, trong tụng có mười sáu kệ ca ngợi Phật vì cứu khổ cho nên ở thế gian, tám kệ đầu ca ngợi đức Từ bình đẳng của Phật, tiếp theo sáu kệ phân rõ Trí thân-Pháp thân của Phật thâm nhiếp chúng sinh hướng về Chánh đạo, tiếp theo hai kệ nêu nhân kết thành. Trong ba mươi ba chúng trên gọi loại này là quý vương, trong tám bộ chỉ có Khẩn-na-la, Rồng và Tỳ-xá-xà là súc sinh, nhưng Dạ-xoa và La-sát nhiều sức mạnh cho nên mang tên gọi là quý, năm loại trong này đều là quý.

Mười bảy, Lực sĩ Kim Cang có mười, trong tụng có hai mươi kệ phân rõ về ba nghiệp khó hủy hoại của Pháp thân Phật, sáu kệ đầu ca ngợi về thân nghiệp tự tại của Phật, tiếp theo sáu kệ phân rõ khẩu nghiệp của Phật, tiếp theo tám kệ ca ngợi ý nghiệp của Phật.

Các loại trên đây đều là hình tượng hiện bày xấu kém mà Thế táng là thù thắng, cho nên trong Đại Tập nói: “Chư Phật bảo các Bồ-tát: Các ông muốn đến nơi Phật Thích-ca thì nên hiện làm thân Phạm Vương...” Vì vậy mà biết như thế. Vả lại, cõi Hoa Tạng này lẽ nào thật có loại này? Ý như Nhiếp Luận.

Tiếp đến là chúng Bồ-tát thứ mười tám nói kệ ca ngợi Phật. Ở đây chỉ nêu ra Bồ-tát Phổ Hiền, không nêu ra tên gọi những Bồ-tát khác, bởi vì biểu hiện chúng này ở phần vị của đạo, đức nêu rõ các môn, làm sáng tỏ một tức là tất cả, tất cả tức là một. Văn này có hai: Một, nêu tên gọi ca ngợi đức, tiếp theo là kệ tụng biểu hiện ba nghiệp cúng dường có thể biết. Hai chúng trên dưới là văn Trường hàng ca ngợi đức, là các kinh gia nêu ra không phải là văn đương thời. Dựa theo văn Trường hàng có hai: Đầu tiên là tổng quát, tiếp theo từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt.

Văn tổng quát phân hai: Một, đức của phần mình (tự); hai, từ “Năng nhập Như Lai...” trở xuống là hòa vào đức của phần khác (tha).

Văn riêng biệt phân hai: Mở rộng tám pháp môn trước là phần mình (tự) trước đây, mở rộng hai pháp môn sau là phần khác (tha) trước đây. Vả lại, năm cặp mười câu này, trong tụng của hai cặp tự lợi-lợi tha có hai mươi kệ, nghĩa phân ra có sáu: Hai kệ đầu ca ngợi trú xứ và quyến thuộc thanh tịnh của Phật, tiếp theo hai kệ ca ngợi Giáo chủ thanh tịnh cõi Phật, tiếp theo hai kệ rưới ca ngợi lợi ích trọn vẹn thanh tịnh, tiếp theo có bảy kệ rưới là hóa dụng trọn vẹn thanh tịnh, tiếp theo hai kệ ca ngợi quả vị thù thắng phát sinh trọn vẹn thanh tịnh của Phật, sau cùng bốn kệ là Thể dụng thanh tịnh.

Ngay trong bảy kệ, ba kệ rưới đầu là thân nghiệp thanh tịnh của Phật, tiếp theo hai kệ là khẩu nghiệp thanh tịnh của Phật, tiếp theo từ “Nhất thiết tam thế...” trở xuống hai kệ phân rõ về ý nghiệp thanh tịnh của Phật.

Văn bốn kệ sau phân hai: Một kệ đầu phân rõ về Thể thanh tịnh của Pháp thân, tiếp theo ba kệ là Dụng thanh tịnh tức là Dụng của ba nghiệp, thì phân làm ba mà thôi.

Trong này giải thích về phạm vi của Phổ Hiền dùng tám môn để trình bày về Nhân-đà-la, có thể biết đó là: Một là Lý, hai là Cõi, ba là thân, bốn là giáo, năm là pháp, sáu là hạnh, bảy là thời, tám là sự, sự tức là trần...

Hệ luận về đại ý, dựa theo văn có hai: Một, chỉ có khiến cho tập khí phiền não nghiệp nhiễm ô và quả báo đều đưa vào cảnh phàm; hai,

từ ngoài tiến vào cảnh Thánh.

Trong Thánh có hai, đó là hai pháp Lý và Lượng. Hai loại này đều có hai pháp, cảnh giới Nhân-đà-la võng tức là Lượng trong Lý, và một phần trong Lượng mà thôi. Điều này nên suy nghĩ chính xác.

Tiếp theo xuống dưới là đoạn lớn thứ hai không động mà tập chúng. Các chúng trên đây chưa hẳn có động, nhưng muốn hiển bày cùng Thể thâm nhiếp, cho nên có như vậy mà thôi, lại bởi vì hiển bày quả vị có đủ nhân pháp. Trong đó có tám đoạn: Một, trình bày về xuất xứ, đó là tòa Sư tử bên cạnh lầu quán; hai, nêu ra số; ba, nêu ra mười tên gọi, sở dĩ nêu ra tên gọi xen tạp, là bởi vì muốn hiển bày nói thêm nhiều loại pháp sâu xa; bốn, từ “Thiết chư cúng dường...” trở xuống là nêu ra vật dụng cúng dường; năm, từ “Giai đại hoan hỷ...” trở xuống là chính thức cúng dường Phật; sáu, tùy nơi mà ngồi; bảy, từ “Bỉ Bồ-tát đẳng...” trở xuống là ca ngợi đức; tám, nói kệ ca ngợi Phật.

Trước đây địa điểm là tổng quát, nay lầu quán là trú riêng biệt. Vật dụng cúng dường có năm, đó là rải hoa-đốt hương-phóng ánh sáng-trỗi nhạc và mưa vật báu.

Ngay phần ca ngợi đức có mười câu: Một, nhân hạnh môn của phần mình; hai, lúc thắng tiến chứng đạt, phần khác vô ngại; ba, vô tận biện tài trong cảnh của Chân Phật; bốn, đạt được ý nghiệp của Phật thành tựu công dụng khó suy nghĩ; năm, đạt được cảnh Phổ môn thân nghiệp của Phật hiện rõ khắp nơi; sáu, tổng quát nói rõ có thể tiến vào trí địa ba đời; bảy, tổng quát ca ngợi đầy đủ nhân lực của hai Niết-bàn là Thường-Vô thường; tám, phương tiện thanh tịnh Niết-bàn; chín, tự thanh tịnh nhân-quả Thường; mười, tổng quát kết thành công hạnh cúng dường pháp.

Phần kệ tụng ca ngợi có mười chín kệ phân làm bốn, ca ngợi về ba nghiệp và đức tự tại ngồi nơi đạo tràng của Phật: Ba kệ đầu ca ngợi công dụng ý nghiệp của Phật, tiếp theo mười kệ phân rõ thân tự tại ở Thọ vương, tiếp theo hai kệ là khẩu nghiệp tự tại; tiếp theo bốn kệ ca ngợi Đại dụng tự tại trang nghiêm của tòa.

Tiếp theo xuống dưới là phần thứ ba các vua phát khởi thực hành cúng dường, cũng có thể là phần Tựa phát khởi thứ hai. Trong đó phân ba: Một, thần lực của Phật chấn động mặt đất... Nói đến chấn động là một phương chấn động, khắp nơi chấn động là bốn phương cùng lúc chấn động, khắp nơi cùng chấn động là tám phương chấn động. Ở đây giải thích về mười tám chấn động trích trong Đại Luận: Gầm rống cảm giác chấn động là thanh, còn lại là sắc. Văn phần sau có sáu loại chấn

động, tức là vọt lên ở phương Đông, chìm xuống ở phương Tây. Trong các kinh có những chấn động khác nhau, nhưng không ra ngoài hai loại này, theo đó để suy nghĩ chọn lấy. Hai, trình bày về phát khởi cúng dường; ba, từ “Thử thế giới trung Phật tọa đạo tràng...” trở xuống là kết luận về nghiệp đã đạt được.

Văn phần hai phân bốn: Một là tổng quát, hai là riêng biệt, ba là kết luận, bốn là như những phương khác.

Văn về đức nghiệp của các vua có hai: Một, chính thức ca ngợi vua cõi này; hai, như những thế giới khác.

Ngay văn chính thức ca ngợi có sáu câu: Ba câu trước là Tự lợi, tiếp theo một câu là Lợi tha, tiếp theo hai câu là hạnh tự lợi-lợi tha thành tựu đầy đủ hòa vào phần thù thắng.

Một câu thứ nhất là nói tổng quát đều tùy theo ý thích mà tiến vào pháp và có thể tiến vào pháp môn phương tiện, câu thứ hai là dựa vào pháp môn chứng đạt đưa ra quán tâm phát sinh hoan hỷ, câu thứ ba là nói riêng biệt về pháp phương tiện đối trị, câu thứ tư là thông đạt pháp môn dũng mãnh lợi tha của các phương, câu thứ năm là đã tiến vào một phần cảnh giới thù thắng của phần vị Như Lai, câu thứ sáu là vô lượng pháp hải của chư Phật đã chứng đều đã được trải qua. Văn kết luận có hai ý có thể biết.

Giải thích phẩm Tịnh Nhãn xong, tổng quát có bốn loại pháp phát sinh hiểu biết, để phát khởi đoạn sau, trừ ra thiết lập-phá bỏ bốn cách trả lời khéo léo phương tiện vượt qua dựa vào...:

- 1) Thứ đệ môn, bởi vì so sánh chọn lấy cách giải.
- 2) Tổng biệt môn, như sáu tướng..., bởi vì từ tướng tiến vào thật.
- 3) Nhiếp thủ môn, bởi vì như dựa vào ngôn ngữ thâm nhiếp nghĩa.
- 4) Lệ thanh môn, bảy loại ví dụ về thanh-ví dụ về văn chọn lấy nghĩa.
